TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24/ 01/ 2022
V/v: " Ly hôn-Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Trung Kiên
  2. Ông Nguyễn Đăng Hùng

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Châm - Cán bộ - Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 24/01/2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2021/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-ST ngày 24/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 07/01/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Lường Thị Y - Sinh năm 1988.(có mặt).

Trú tại: Bản L, xã Mường P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. **Bị đơn**: Anh Lường Văn D - Sinh năm 1989

Trú tại: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29/10/2020 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lường Thị Y (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lường Văn D tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán năm 2014 và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ vào ngày 24/02/2015 hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc từ ngày cưới đến tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi phát hiện anh D có thái độ không hài lòng với vợ không tu chí làm ăn, theo bạn bè đi chơi về rất muộn và bị nghiện chất ma túy. Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh D từ bỏ ma túy nhưng anh D không nghe vẫn tái nghiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý cũng như việc phát triển của con tôi. Hai gia đình đã hòa giải nhưng hai vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tôi và anh D đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc

nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D.

2.Về con chung: Chị Y khai vợ chồng có 1 con chung là: Lường Thị Diệu A, sinh ngày 08/11/2014 sau khi ly hôn chị Y xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/10/2021, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị Y cho anh D biết. Giao thông báo thụ lý vụ án cho anh D nhận. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh D không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án cho anh D. Nhưng anh D vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 24/12/2021 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho anh D nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa và tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lường Văn D đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lường Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn và nguyên đơn có địa chỉ tại bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177 BLTTDS, việc anh D không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh Diên đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị Y và anh Lường Văn D tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị Y và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã M cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh D có sử dụng

chất ma túy không quan tâm đến vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi làm thuê không đem tiền về cho vợ con mà chỉ lo cho bản thân dẫn đến mất lòng tin với nhau. Hai gia đình và tổ hòa giải thôn bản đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Y đã cho anh D đi cai nghiện ma túy nhưng anh D không từ bỏ ma túy dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Bản thân chị Y xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị Y và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân một năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị Y cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Y xử cho ly hôn giữa chị Lường Thị Y và anh Lường Văn D.

[3] Về con chung: Chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là: Lường Thị Diệu A sinh ngày 08/11/2014 và xét theo nguyện vọng của cháu A có nguyện vọng sống cùng mẹ. Xét thấy hiện tại chị Y mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu hiện còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác nhận của UBND xã M, anh D bị nghiện chất ma túy, anh D đã được đi cai nghiện 12 tháng vào năm 2010 hiện vẫn còn nghiện và thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị Y. Giao con cho chị Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh D có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con**:** Chị Y không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị Y là dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại xã đặc biệt khó khăn thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn áp phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị Y được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị Y được ly hôn với anh Lường Văn D

2. Về con chung: Chị Y được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng con chung Lường Thị Diệu A sinh ngày 08/11/2014 cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh D không phải cấp d- ỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản của chị Lường Thị Y.

4. Về án phí:

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Y được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên